ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1392 /QĐ-ĐHNL-HSSV

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp trợ cấp xã hội kỳ I, năm học 2016-2017 cho sinh viên hệ chính quy (khóa 48)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động của Đại học vùng và cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành kèm theo Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 28/8/1998, Quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ V/v điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp trợ cấp xã hội kỳ I, năm học 2016-2017 cho **167** sv khóa 48 thuộc đối tượng là dân tộc thiểu số có hộ khẩu ở vùng đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo trong đó:

- Khu vực ĐBKK: **136** sv x 140.000 x 5 tháng = **95.200.000** đ
- Hộ nghèo: **31**sv x100.000 x 4 tháng = **12.400.000đ**

Tổng số tiền: **107.600.000đ**

Số tiền bằng chữ: **Một trăm linh bẩy triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn./.**

(có danh sách và mức tiền cụ thể gửi kèm)

Điều 2: - Khu vực ĐBKK cấp từ tháng 9 năm 2016 đến hết tháng 01/2017
- Hộ nghèo cấp từ tháng 9 năm 2016 đến hết tháng 12 năm 2016;

Điều 3: Các Ông (bà) Trưởng các phòng: Công tác HSSV, KH-TC, Trưởng các Khoa, Trung tâm ĐT&PTQT và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- ĐHTN (B/c);
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu CT HSSV.

HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Huê Viên

DANH SÁCH SV THUỘC HỘ NGHÈO KHÓA 48 HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI

KỲ I NĂM HỌC 2016-2017

Kèm theo Quyết định số 1392 QĐ/HSSV ngày 21 tháng 11 năm 2016

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng TCXH	Mức TCXH	Thời gian	Hộ khẩu Thường trú			Khoa
1	DTN1653150012	Bùi Thị	Yến	20/08/1998	Công nghệ sinh học K48	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Tân Dân	Khoái Châu	Hưng Yên	CNSH&CNTP
2	DTN1653170012	Lương Đức	Anh	18/02/1998	Chăn nuôi thú y K48 N01	Tày	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	TT Quân Chu	Đại Từ	Thái Nguyên	CNTY
3	DTN1653040086	Trần Duy	Khương	09/01/1998	Chăn nuôi thú y K48 N01	Nùng	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Trung Hội	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
4	DTN1653050002	Phạm Thị	Thắm	17/10/1998	Chăn nuôi thú y K48 N01	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Khánh Công	Yên Khánh	Ninh Bình	CNTY
5	DTN1653040045	Hoàng Văn	Chí	26/10/1997	Chăn nuôi thú y K48 N01	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Quang Sơn	Đồng Hỷ	Thái NGuyên	CNTY
6	DTN1653040189	Trương	Thuận	15/10/1998	Chăn nuôi thú y K48 N01	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Tuân Chính	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	CNTY
7	DTN1654290009	Đinh Thùy	Dung	18/09/1998	Chăn nuôi thú y K48 N02	Nùng	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Lâu Thượng	Võ Nhai	Thái Nguyên	CNTY
8	DTN1653040153	Nguyễn Anh	Tuấn	08/02/1998	Chăn nuôi thú y K48 N02	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Thành Công	TX Phổ Yên	Thái Nguyên	CNTY
9	DTN1653050117	Trần Quang	Hoàn	19/08/1998	Chăn nuôi thú y K48 N03	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Phương Viên	Hạ Hòa	Phú Thọ	CNTY
10	DTN1653050052	Hoàng Thị	Thu	09/09/1997	Dược thú y K48	Tày	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Yên Hà	Quang Bình	Hà Giang	CNTY
11	DTN1653050397	Đào Thị	Thanh	29/05/1998	Thú y K48 N01	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Yên Phú	Hàm yên	Tuyên Quang	CNTY
12	DTN1653050304	Phạm Văn	Mạnh	08/01/1997	Thú y K48 N02	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Nghĩa Hải	Nghĩa Hưng	Nam Định	CNTY
13	DTN1653050334	Lương Mạnh	Hùng	14/09/1998	Thú y K48 N03	Nùng	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Phúc Xuân	TPTN	Thái Nguyên	CNTY
14	DTN1653050044	Lường Thị	Thảo	18/9/1998	Thú y K48 N03	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Hải An	Tĩnh Gia	Thanh Hóa	CNTY
15	DTN1653050129	Vàng Láo	San	02/11/1998	Thú y K48 N05	Dao	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Pá Mỳ	Mường Nhé	Điện Biên	CNTY
16	DTN1653050107	Trần Thị	Minh	15/05/1997	Thú y K48 N05	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Hòa Bình	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	CNTY
17	DTN1653050280	Nông Thị	Ánh	07/02/1998	Thú y K48 N07	Tày	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	TT Bằng Lũng	Chợ Đồn	Bắc Cạn	CNTY
18	DTN17530A0014	Giàng Ly	Sơn	15/08/1997	Ngành Tạm K48	Hà Nhì	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Chung Chải	Mường Nhé	Điện biên	KHCB
19	DTN17530A0010	Giàng A	Trai	16/08/1998	Ngành Tạm K48	HMông	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Nậm Xây	Văn Bàn	Lào Cai	KHCB
20	DTN17530A0023	Pờ Pó	Lèng	19/06/1997	Ngành Tạm K48	Hà nhì	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Sen Thượng	Mường Nhé	Điện biên	KHCB
21	DTN1654110064	Nguyễn Thị	Dung	13/01/1998	Kinh tế nông nghiệp K48	Tày	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Hwnng Khánh	Trấn Yên	Yên Bái	KT&PTNT
22	DTN1654140019	Lý A	Của	15/04/1998	Phát triển nông thôn K48	Mông	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Cao Phạ	Mù Cang Chải	Yên Bái	KT&PTNT
23	DTN1654140006	Sùng A	Hồng	21/03/1998	Phát triển nông thôn K48	Mông	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Nà Bủng	Mường Nhé	Điện Biên	KT&PTNT
24	DTN1653060019	Lý A	Tùng	27/03/1997	Quản lý tài nguyên rừng K48	Mông	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017.	Na Sang	Mường Chà	Điện Biên	LN
25	DTN1653070065	Đinh Thị Bích	Liên	13/01/1998	Trồng trọt (POHE) K48 N02	Kinh	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Bình Sơn	Sông Công	Thái Nguyên	NH
26	DTN1653070057	Triệu Kim	Huệ	23/03/1998	Trồng trọt (POHE) K48 N01	Dao	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Minh Khai	Thạch An	Cao Bằng	NH
27	DTN16530A0059	Mồ Dung	Tuấn	06/06/1996	Quản lý đất đai K48 N02	Nùng	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Nghĩa Thuận	Quản Bạ	Hà Giang	QLTN
28	DTN1654120094	Mã Văn	Hiếu	01/07/1998	Quản lý đất đai K48 N01	Nùng	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Tự Do	Quảng Uyên	Cao Bằng	QLTN
29	DTN1654120025	Tống Văn	Báo	19/10/1998	Quản lý đất đai K48 N02	Sán Dìu	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Nam Hòa	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	QLTN

30	DTN1654120050	Nông Lục Thị	Duyên	26/08/1998	Quản lý đất đai K48 N02	Nùng	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Tự Do	Quảng Uyên	Cao Bằng	QLTN
31	DTN1654120064	Hoàng Thị Dư	Phương	28/02/1998	Quản lý đất đai K48 N02	Nùng	HN	100,000	Kỳ I, 2016-2017	Quang Sơn	Bình Gia	Lạng Sơn	QLTN

Ấn định danh sách: 31 SV

Người lập danh sách

Đỗ Thị Dươn g

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI
KỲ I NĂM HỌC 2016-2017 ĐẾN HẾT KHÓA HỌC

Kèm theo Quyết định số 1392 QĐ/HSSV ngày 21 tháng 11 năm 2016

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng TCXH	Mức TCXH	Thời gian	Hộ khẩu Thường trú			Khoa
1	DTN1653170040	Chíu Thị	Hiền	16/10/1998	Công nghệ thực phẩm K48	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tình Húc	Bình Liêu	Quảng Ninh	CNSH&CNTP
2	DTN1653040080	Phạm Hoành	Sơn	09/06/1998	Chăn nuôi thú y (POHE) K48	Sán Dìu	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quân Chu	Đại Từ	Thái Nguyên	CNTY
3	DTN1654110027	Hà Thanh	Tùng	23/01/1997	Chăn nuôi thú y (POHE) K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đại Sơn	Phục Hòa	Cao Bằng	CNTY
4	DTN1654120041	Lăng Văn	Kết	12/09/1996	Chăn nuôi thú y (POHE) K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quốc Dân	Quảng Uyên	Cao Bằng	CNTY
5	DTN1653040023	Ly A	Minh	18/9/1998	Chăn nuôi thú y (POHE) K48	mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nàn Sín	Si Ma Cai	Lào Cai	CNTY
6	DTN1653040142	Hoàng Thị	Thắm	10/03/1998	Chăn nuôi thú y (POHE) K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nam Hòa	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	CNTY
7	DTN1653040098	Lý Minh	Tiến	05/10/1998	Chăn nuôi thú y (POHE) K48	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lùng Tám	Quản Bạ	Hà Giang	CNTY
8	DTN16530A0083	Mã Trung	Thiết	18/10/1996	Chăn nuôi thú y K48 N01	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phù Ngọc	Hà Quảng	Cao Bằng	CNTY
9	DTN1653040099	Nguyễn Thị	Hoài	21/02/1998	Chăn nuôi thú y K48 N01	Mường	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thạch Tượng	Thạch Thành	Thanh Hóa	CNTY
10	DTN1653040132	Trần Ngọc	Tiến	23/02/1998	Chăn nuôi thú y K48 N01	Sán Chí	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Na Mao	Đại Từ	Thái Nguyên	CNTY
11	DTN1653040034	Lý	Dương	02/05/1994	Chăn nuôi thú y K48 N01	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trung Lương	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
12	DTN1653040029	Hoàng Văn	Long	18/12/1997	Chăn nuôi thú y K48 N01	San chí	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Na Mao	Đại Từ	Thái Nguyên	CNTY
13	DTN1653040082	Âu Dương	Tú	11/01/1997	Chăn nuôi thú y K48 N01	San Chí	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Trung Hội	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
14	DTN1653040081	Lý Ngọc	Ánh	20/11/1998	Chăn nuôi thú y K48 N02	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thanh Vận	Chợ Mới	Bắc Cạn	CNTY
15	DTN1653040128	Lò Thị	Lan	17/7/1998	Chăn nuôi thú y K48 N02	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quài Cang	Tuần Giáo	Điện Biên	CNTY
16	DTN1653040144	Lý A	Nhà	21/11/1998	Chăn nuôi thú y K48 N02	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Dào San	Phong Thổ	Lai Châu	CNTY
17	DTN16530A0095	Đặng Thị	Mai	14/3/1995	Chăn nuôi thú y K48 N02	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Vĩnh Yên	Bình Gia	Lạng Sơn	CNTY
18	DTN1654140012	Nông Quang	Huấn	11/06/1997	Chăn nuôi thú y K48 N02	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Kim Loan	Hạ Lang	Cao Bằng	CNTY
19	DTN1654120009	Vương Thị	Nga	09/11/1998	Chăn nuôi thú y K48 N02	nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lương Can	Thông Nông	Cao Bằng	CNTY
20	DTN1653040061	Lò Thị	Hằng	03/05/1998	Chăn nuôi thú y K48 N03	Cống	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Khoa	Mường Tè	Lai Châu	CNTY
21	DTN1653040094	Dương Quang	Chiêu	13/12/1998	Chăn nuôi thú y K48 N03	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Châu Quế Thượng	Văn Yên	Yên Bái	CNTY
22	DTN1653040143	Mai Lệ	Hằng	23/3/1997	Chăn nuôi thú y K48 N03	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Linh Hồ	Vị Xuyên	Hà Giang	CNTY
23	DTN1653050114	Đỗ Thị	Huệ	23/03/1998	Chăn nuôi thú y K48 N03	Sán Chí	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lục Ba	Đại Từ	Thái Nguyên	CNTY
24	DTN1653040047	Ngô Thị	Hương	26/01/1998	Chăn nuôi thú y K48 N03	Sán Dìu	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Lợi	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	CNTY
25	DTN1653040050	Hoàng Duy	Toàn	29/01/1998	Chăn nuôi thú y K48 N03	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quy Kỳ	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY

26	DTN1653040124	Lữ Văn	Kheo	01/01/1999	Chăn nuôi thú y K48 N03	Khơ Mú	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Ải	Kỳ Sơn	Nghệ An	CNTY
27	DTN1653160008	Nguyễn Văn	Toản	08/07/1996	Chăn nuôi thú y K48 N03	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ân Tình	Na Rì	Bắc Cạn	CNTY
28	DTN1653050053	Nguyễn Đặng Thuỷ	Tiên	29/08/1998	Dược thú y K48	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	yên Lãng	Đại Từ	Thái Nguyên	CNTY
29	DTN1653050023	Bùi Thị	Hòa	31/12/1997	Dược thú y K48	mường	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Thượng	Cao Phong	Hòa Bình	CNTY
30	DTN1653050195	Hoàng Quốc	Hùng	11/07/1996	Dược thú y K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hữu Lễ	Văn Quan	Lạng Sơn	CNTY
31	DTN1653050312	Lò Thị	Thu	28/10/1998	Thú y K48 N01	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nà Tấu	Điện Biên	Điện Biên	CNTY
32	DTN1653050335	Lương Văn	Hùng	28/04/1995	Thú y K48 N01	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bình Long	Võ Nhai	Thái Nguyên	CNTY
33	DTN1653050221	Hoàng Thị	Hoa	23/08/1998	Thú y K48 N01	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Linh Thông	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
34	DTN1653050442	Quàng Văn	Khải	04/09/1997	Thú y K48 N01	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quài Nưa	Tuần Giáo	Điện Biên	CNTY
35	DTN1653050192	Dương Thị	Ngân	26/01/1998	Thú y K48 N01	dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mai Lạp	Chợ Mới	Bắc Cạn	CNTY
36	DTN1653050186	Nguyễn Phương	Nam	09/03/1998	Thú y K48 N02	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quy Kỳ	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
37	DTN1653050301	Ngọc Văn	Diệm	22/10/1997	Thú y K48 N02	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Minh Long	Hạ Lang	Cao Bằng	CNTY
38	DTN1653050395	Cứ A	Chính	07/06/1998	Thú y K48 N02	mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Sính Phình	Tủa Chùa	Điện Biên	CNTY
39	DTN1653050029	Nông Thị Hà	Nam	19/11/1998	Thú y K48 N03	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quy Kỳ	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
40	DTN1653050027	Ma Đức	Tuân	08/12/1998	Thú y K48 N04	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Sảng Mộc	Võ Nhai	Thái Nguyên	CNTY
41	DTN1653050423	Tô Kiều	Trang	17/02/1998	Thú y K48 N05	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Linh Hồ	Vi Xuyên	Hà Giang	CNTY
42	DTN16530A0062	Phan Văn	Học	17/8/1997	Thú y K48 N05	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tổng Cọt	Hà Quảng	Cao Bằng	CNTY
43	DTN16530A0073	Lương Hoài	Nam	24/11/1997	Thú y K48 N05	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Dương Quỳ	Văn Bàn	Lào Cai	CNTY
44	DTN1653050286	Hoàng Thị Linh	Chi	06/11/1998	Thú y K48 N05	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Kim Hỷ	Na Rì	Bắc Cạn	CNTY
45	DTN1653050292	Ma Hoàng	Hồng	22/11/1996	Thú y K48 N05	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quy Kỳ	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
46	DTN1653050314	Lèng Thị	Tranh	10/05/1998	Thú y K48 N06	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bằng Phúc	Chợ Đồn	Bắc Cạn	CNTY
47	DTN1653050242	Vũ Thị Hồng	Anh	22/03/1998	Thú y K48 N06	Sán Dìu	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cát Nê	Đại Từ	Thái Nguyên	CNTY
48	DTN1653050308	Bàn Thị	Mùi	19/9/1998	Thú y K48 N06	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đại Sơn	Văn Yên	Yên Bái	CNTY
49	DTN1653050213	Hoàng Thị Bích	Ngọc	08/07/1998	Thú y K48 N06	nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Long	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	CNTY
50	DTN1653050156	Ma Thị	Ánh	03/09/1998	Thú y K48 N07	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thanh Định	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
51	DTN1653050391	Lê Thị Thúy	Nga	20/12/1998	Thú y K48 N07	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT Đình Cả	Võ Nhai	Thái Nguyên	CNTY
52	DTN1653050361	Vũ Thị Thanh	Hoài	15/06/1998	Thú y K48 N07	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	yên Trạch	Phú Lương	Thái Nguyên	CNTY
53	DTN1653050173	Phan Thị Mỹ	Linh	11/12/1998	Thú y K48 N07	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Linh Thông	Định Hóa	Thái Nguyên	CNTY
54	DTN17530A0025	Lẻo Đức	Công	05/07/1998	Ngành Tạm K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tiên Nguyên	Quang Bình	Hà Giang	KHCB
55	DTN17530A0028	Ma Seo	Chính	20/06/1998	Ngành Tạm K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lùng Phình	Bắc Hà	Lào Cai	KHCB
56	DTN17530A0018	Sùng A	Phử	25/08/1997	Ngành Tạm K48	HMông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tà Nung	Than Uyên	Lai Châu	KHCB
57	DTN1653080006	Lò Văn	Chum	15/10/1997	Khuyến nông K48	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ya Xiêr	Sa Thầy	Kon Tum	KT&PTNT
58	DTN1653080002	La Thị	Hoàng	10/10/1998	Khuyến nông K48	thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Pá Ma Pha Khinh	Quỳnh Nhai	Sơn La	KT&PTNT
59	DTN1653080004	Hoàng Thị	Loan	10/08/1998	Khuyến nông K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lạng San	Na Rì	Bắc Cạn	KT&PTNT
60	DTN1653080014	Bàn Thị	Náy	01/01/1998	Khuyến nông K48	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Dạng	Văn Bàn	Lào Cai	KT&PTNT
61	DTN1654110040	Ma Thị Thu	Thảo	02/04/1998	Kinh tế nông nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Trạch	Phú Lương	Thái Nguyên	KT&PTNT
62	DTN1654110002	Nông Thị	Vân	06/08/1997	Kinh tế nông nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Thượng	Ba Bể	Bắc Cạn	KT&PTNT
63	DTN16530A0004	Lục Thị	Hạnh	28/7/1996	Kinh tế nông nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT. Tam Sơn	Quản Bạ	Hà Giang	KT&PTNT
64	DTN16530A0066	Lường Văn	Nguyện	09/04/1997	Kinh tế nông nghiệp K48	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cà Nàng	Quỳnh Nhai	Sơn La	KT&PTNT
65	DTN1654110039	Nguyễn Thế	Ngọc	13/08/1994	Kinh tế nông nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lăng Can	Lâm Bình	Tuyên Quang	KT&PTNT
66	DTN1654110014	Đinh Ngọc	Tuyền	10/10/1998	Kinh tế nông nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Mỹ	Chợ Đồn	Bắc Cạn	KT&PTNT
67	DTN1654110013	Lộc Thị Vân	Anh	21/07/1998	Kinh tế nông nghiệp K48	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phúc Chu	Định hóa	Thái Nguyên	KT&PTNT
68	DTN1654110044	Đặng Thị	Diên	15/04/1996	Kinh tế nông nghiệp K48	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Bồ	Vị Xuyên	Hà Giang	KT&PTNT

69	DTN1654110042	Trương Thị	Minh	11/06/1998	Kinh tế nông nghiệp K48	Sán Dìu	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tân Lợi	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	KT&PTNT
70	DTN1654110015	Hoàng Thị	Mới	15/6/1998	Kinh tế nông nghiệp K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đoài Khôn	Quảng Uyên	Cao Bằng	KT&PTNT
71	DTN16530A0074	Phàn Thị	Ngọc	10/01/1994	Kinh tế nông nghiệp K48	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Ty	H Hoàng Su Phì	Hà Giang	KT&PTNT
72	DTN1654110046	Bạc Cầm	Nhàn	31/12/1998	Kinh tế nông nghiệp K48	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Chiềng Khoang	Quỳnh Nhai	Sơn La	KT&PTNT
73	DTN1654110017	Lù Seo	Phượng	06/10/1998	Kinh tế nông nghiệp K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Chiến Phố	Hoàng Su Phì	Hà Giang	KT&PTNT
74	DTN1654110018	Lù Cò	Toán	02/03/1998	Kinh tế nông nghiệp K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Chiến Phố	Hoàng Su Phì	Hà Giang	KT&PTNT
75	DTN1654110061	Giàng Mí	Xá	20/7/1998	Kinh tế nông nghiệp K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tả Lùng	Đồng Văn	Hà Giang	KT&PTNT
76	DTN16530A0061	Hạng A	Cầu	03/07/1995	Phát triển nông thôn K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tả Sìn Thàng	Tủa Chùa	Điện biên	KT&PTNT
77	DTN16530A0077	Sùng Seo	Phống	01/07/1997	Phát triển nông thôn K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hoàng Thu Phố	Bắc Hà	Lào Cai	KT&PTNT
78	DTN16530A0053	Lù Seo	Tăng	16/11/1997	Phát triển nông thôn K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thèn Phàng	Xín Mần	Hà Giang	KT&PTNT
79	DTN16530A0001	Vàng A	Phúc	10/09/1997	Phát triển nông thôn K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tung Qua Lìn	Phong Thổ	Lai Châu	KT&PTNT
80	DTN1654140016	Đinh Văn	Quảng	24/7/1996	Phát triển nông thôn K48	Mường	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Song Pẹ	Bắc Yên	Sơn La	KT&PTNT
81	DTN1653070081	Hà Kiều	Vân	05/05/1998	Phát triển nông thôn K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cao Kỳ	Chợ Mới	Bắc Cạn	KT&PTNT
82	DTN16530A0080	Vương Văn	Thắng	23/6/1996	Phát triển nông thôn K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Bản Díu	Xín Mần	Hà Giang	KT&PTNT
83	DTN1654140031	Hoàng Văn	Hoan	17/11/1997	Phát triển nông thôn K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Văn Minh	Ba Vì	Bắc Cạn	KT&PTNT
84	DTN1654140023	Lù Văn	Nhẫn	01/02/1998	Phát triển nông thôn K48	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nậm Cuổi	Sìn Hồ	Lai Châu	KT&PTNT
85	DTN16530A0063	Hoàng Văn	Bàng	04/01/1995	Phát triển nông thôn K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đức Long	H Thạch An	Cao Bằng	KT&PTNT
86	DTN1654140018	Phùng Thị	Bay	14/11/1996	Phát triển nông thôn K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đức Quang	Hạ Lang	Cao Bằng	KT&PTNT
87	DTN16530A0088	Châu Văn	Biên	19/2/1997	Phát triển nông thôn K48	Giấy	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Niêm Sơn	Mèo Vạc	Hà Giang	KT&PTNT
88	DTN1654140011	Lèng Thị	Chúc	28/03/1998	Phát triển nông thôn K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đản Ván	Hoàng Su Phì	Hà Giang	KT&PTNT
89	DTN1654290017	Thào A	Lử	12/07/1998	Phát triển nông thôn K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xá Nhè	Tủa Chùa	Điện Biên	KT&PTNT
90	DTN1654140032	Hàng	Sổ	15/03/1998	Phát triển nông thôn K48	mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tả Thàng	Mường KHương	Lào Cai	KT&PTNT
91	DTN16530A0060	Giàng Thị	Vàng	04/10/1997	Phát triển nông thôn K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tùng Vài	H Quản Bạ	Hà Giang	KT&PTNT
92	DTN1653080003	Triệu Thị	Xuyến	14/09/1997	Phát triển nông thôn K48	nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thanh Long	Thông Nông	Cao Bằng	KT&PTNT
93	DTN1654140021	Đinh Hải	Yến	05/11/1998	Phát triển nông thôn K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Minh Hương	Hàm Yên	Tuyên Quang	KT&PTNT
94	DTN16530A0076	Hồ A	Lan	03/11/1993	Lâm nghiệp K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Huổi Lèng	Mường Chà	Điện biên	LN
95	DTN1653060033	Lù Seo	Hồ	03/02/1998	Lâm nghiệp K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tả Thàng	Mường Khương	Lào Cai	LN
96	DTN1653060016	Lãnh Quang	Kiến	16/06/1998	Lâm nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuân Trường	Bảo Lạc	Cao Bằng	LN
97	DTN16530A0097	Lò Khăm	Sơn	24/11/1996	Lâm nghiệp K48	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hiền Chung	Quan Hóa	Thanh Hóa	LN
98	DTN1653060015	Pờ Dần	Khai	06/11/1997	Lâm nghiệp K48	Hà Nhì	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Sín Thầu	Mường Nhé	Điện Biên	LN
99	DTN1653060014	Hoàng Thị	Lan	21/05/1998	Lâm nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nam Mẫu	Ba Bể	Bắc Cạn	LN
100	DTN1653060005	Tòng Thị	Kim	28/02/1998	Lâm nghiệp K48	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Ngọc Chiến	Mường La	Sơn La	LN
101	DTN1653060013	Ma Thị Thùy	Nết	05/11/1998	Lâm nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuân Lạc	H Chợ Đồn	Bắc Cạn	LN
102	DTN1653060024	Lỳ Xé	Xá	05/04/1998	Lâm nghiệp K48	Hà Nhì	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Kan Hồ	Mường Tè	Lai Châu	LN
103	DTN16530A0067	Viên Thế	Hiệp	22/12/1994	Lâm nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	TT.Tam Sơn	Quản Bạ	Hà Giang	LN
104	DTN1653060025	Lò Văn	Cường	09/07/1998	Lâm nghiệp K48	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nà Cáy	Tuần Giáo	Điện Biên	LN
105	DTN1653060008	Hoàng Hoài	Nam	01/10/1994	Lâm nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	yên Trạch	Phú Lương	Thái nguyên	LN
106	DTN1653060036	Hạng A	Lánh	07/03/1998	Lâm nghiệp K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tà Tổng	Mường Tè	Lai Châu	LN
107	DTN1653060034	Chang Chang	De	06/03/1998	Lâm nghiệp K48	Hà Nhì	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Sín Thầu	Mường Nhé	Điện Biên	LN
108	DTN1653060032	Hoàng Duy	Lập	17/04/1994	Lâm nghiệp K48	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Cóc Pài	Xín Mần	Hà Giang	LN
109	DTN1653060001	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	22/02/1998	Lâm nghiệp K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tam Kim	Nguyên Bình	Cao Bằng	LN
110	DTN16530A0094	Giàng Seo	Mùa	05/05/1997	Quản lý tài nguyên rừng K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hoàng Thu Phố	Bắc Hà	Lào Cai	LN
111	DTN1653160023	Triệu Tài	Huy	18/01/1998	Quản lý tài nguyên rừng K48	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Dân Tiến	Võ Nhai	Thái Nguyên	LN

112	DTN1653120001	Ma Thanh	Tâm	23/12/1998	Quản lý tài nguyên rừng K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khuôn Hà	lâm BÌnh	Tuyên Quang	LN
113	DTN1653060011	Moong Bá	Khiếu	26/06/1998	Quản lý tài nguyên rừng K48	Khơ Mú	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Mường Tích	Kỳ Sơn	Nghệ An	LN
114	DTN16530A0003	Nguyễn Trọng	Thuận	17/3/1997	Quản lý tài nguyên rừng K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Xuân Hòa	H Hà Quảng	Cao Bằng	LN
115	DTN1653160006	Hoàng Văn	Tâm	30/03/1998	Quản lý tài nguyên rừng K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Dương Quỳ	Văn Bàn	Lào Cai	LN
116	DTN1653160020	Chu Đức	Trưởng	03/05/1998	Quản lý tài nguyên rừng K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	bành Trạch	Ba Bể	Bắc Cạn	LN
117	DTN1653160022	Mùa A	Chang	14/08/1997	Quản lý tài nguyên rừng K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Tả Phìn	Tủa Chùa	Điện Biên	LN
118	DTN1658520002	Phan Quốc	Huy	27/12/1998	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên K48	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hương Sơn	Quang Bình	Hà Giang	MT
119	DTN1653070109	Lý Thị	Côi	03/07/1998	Trồng trọt (POHE) K48 N01	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Căn Co	Sín Hồ	Lai Châu	NH
120	DTN1653050433	Long Thị	Hiền	14/8/1996	Trồng trọt (POHE) K48 N01	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quốc Phong	Quảng Uyên	Cao Bằng	NH
121	DTN1653070083	Lò Văn	Chiên	03/06/1998	Trồng trọt (POHE) K48 N01	Thái	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nà Sáy	Tuần Giáo	Điện Biên	NH
122	DTN16530A0092	Giàng Seo	Dơ	07/03/1997	Trồng trọt (POHE) K48 N01	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Thái Niên	Bảo Thắng	Lào Cai	NH
123	DTN1653070025	Nguyễn Hoàng	Lan	22/12/1998	Trồng trọt (POHE) K48 N01	tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khánh yên Trung	Văn Bàn	Lào Cai	NH
124	DTN1653070086	Nguyễn Xuân	Linh	08/05/1998	Trồng trọt (POHE) K48 N02	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đức Lương	Đại Từ	Thái Nguyên	NH
125	DTN1653070043	Bàn Tài	Anh	16/6/1998	Trồng trọt (POHE) K48 N02	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Hợp Tiến	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	NH
126	DTN1653070034	Vàng Thị	Dở	20/12/1998	Trồng trọt (POHE) K48 N02	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Phúc Than	Than Uyên	Lai Châu	NH
127	DTN1653070075	Lý Thị	Trang	28/02/1997	Trồng trọt (POHE) K48 N02	Dao	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Minh	Phú Lương	Thái Nguyên	NH
128	DTN16530A0087	Cao Thúy	Linh	20/7/1997	Trồng trọt (POHE) K48 N02	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quyết Tiến	Quản Bạ	Hà Giang	NH
129	DTN1653070051	Vi Văn	Trường	12/08/1997	Trồng trọt (POHE) K48 N02	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Quang Vinh	Trà Lĩnh	Cao Bằng	NH
130	DTN1653070053	Hoàng Thu	Uyên	20/05/1998	Trồng trọt (POHE) K48 N02	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Đôn Phong	Bạch Thông	Bắc Cạn	NH
131	DTN1658510004	Đặng Thị Kim	Chi	01/03/1998	Quản lý đất đai K48 N02	Nùng	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Động Đạt	Phú Lương	Thái Nguyên	QLTN
132	DTN1654120105	Thao Văn	Pó	13/1/1997	Quản lý đất đai K48 N01	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Nhi Sơn	Mường Lát	Thanh Hóa	QLTN
133	DTN1654120073	Đinh Quang	Dũng	24/05/1998	Quản lý đất đai K48 N02	Tày	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Yên Trạch	Phú Lương	Thái Nguyên	QLTN
134	DTN1658510012	Ma Seo	Chính	20/6/1988	Quản lý tài nguyên và môi trường K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Lùng Phình	Bắc Hà	Lào Cai	QLTN
135	DTN16530A0096	Tráng A	Dơ	06/06/1997	Khoa học và quản lý môi trường K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Khánh Yên Hạ	Văn Bàn	Lào Cai	TTĐT&PTQT
136	DTN16530A0086	Lầu Pó	Chua	09/11/1997	Phát triển nông thôn K48	Mông	KV-ĐBKK	140,000	Từ kỳ I, 2016-2017 đến hết khóa học	Pú Hồng	Điện Biên Đông	Điện Biên	TTĐT&PTQT

Ấn định danh sách: 136 SV

Người lập danh sách
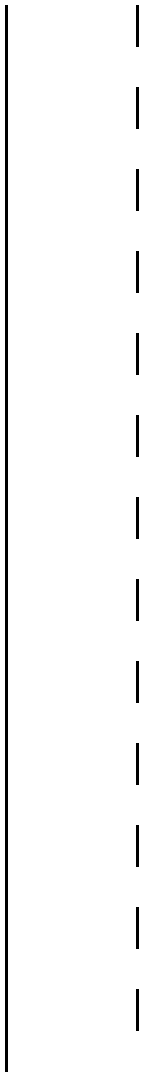
Đỗ Thị Dươn g